

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỒNG THÁP



GIÁO TRÌNH

MÔN HỌC: KINH TẾ HỌC

NGÀNH, NGHỀ: QUẢN TRỊ BÁN HÀNG

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định Số: /QĐ-CDCĐ-ĐT ngày..... tháng.....
năm.....)*

của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Đồng Tháp)

Đồng Tháp, năm 2017

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo trình Kinh tế Vi mô được biên soạn nhằm cung cấp nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về các vấn đề bao gồm: phân tích cung cầu; lý thuyết lựa chọn tiêu dùng, lý thuyết sản xuất và chi phí, phân tích hành vi ra quyết định của doanh nghiệp trong cấu trúc thị trường. Giáo trình này là tài liệu dùng trong giảng dạy và học tập dành cho sinh viên năm thứ nhất khối ngành kinh tế ở trình độ cao đẳng.

Khác với Kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế như một tổng thể, Kinh tế vi mô tập trung vào việc phân tích các hành vi của các chủ thể kinh tế như người sản xuất, người tiêu dùng, thậm chí là chính phủ trên từng thị trường riêng biệt. Là tài liệu có tính chất nhập môn, giáo trình này trình bày những nguyên lý cơ bản của môn Kinh tế vi mô. Nó được biên soạn thành 5 chương. Chương 1 được dành để giới thiệu chung về kinh tế học như một môn khoa học xã hội đặc thù, làm rõ sự phân nhánh trong cách tiếp cận kinh tế học thành Kinh tế (học) vi mô và Kinh tế (học) vĩ mô cũng như giúp sinh viên làm quen với một số công cụ chung thường được dùng trong phân tích kinh tế. Chương 2 tập trung trình bày về mô hình cung – cầu như là một mô hình cơ bản để duy trì về sự vận hành của một thị trường. Chương 3 đề cập đến mô hình về sự lựa chọn của người tiêu dùng. Chương 4 được dành để trình bày những nguyên tắc chung trước khi việc áp dụng chúng trong các cấu trúc thị trường cụ thể được phát triển ở các chương 5.

Tác giả đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn, tuy nhiên vẫn không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của sinh viên và các giảng viên để giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn. Chân thành cảm ơn!

Đồng Tháp, ngày 17 tháng 4 năm 2017

Tham gia biên soạn

Chủ biên

Lê Vi Sa

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC	10
1. KINH TẾ HỌC	10
1.1 Khái niệm	10
1.2 Phân biệt kinh tế vi mô và vĩ mô.....	12
1.3 Ba vấn đề kinh tế cơ bản.....	12
2. CÁC MÔ HÌNH KINH TẾ.....	14
2.1 Mô hình kinh tế tập trung	14
2.2 Mô hình kinh tế thị trường	15
2.3 Mô hình kinh tế hỗn hợp	15
3. ĐƯỜNG GIỚI HẠN KHẢ NĂNG SẢN XUẤT	15
CHƯƠNG 2 CUNG, CẦU VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG.....	20
1. CẦU	20
1.1 Khái niệm	20
1.2 Cầu cá nhân và cầu thị trường.....	21
1.3 Luật cầu	22
1.4 Các yếu tố ảnh hưởng cầu	24
1.5 Sự thay đổi của lượng cầu và của cầu	26
2. CUNG	28
2.1 Khái niệm	28
2.2 Cung cá nhân và cung thị trường	28
2.3 Luật cung	28
2.4 Các yếu tố ảnh hưởng đến cung.....	30
2.4 Sự thay đổi của lượng cung và của cung.....	31

3. MỐI QUAN HỆ CUNG CẦU	33
3.1 Trạng thái cân bằng	33
3.2 Dư thừa và thiếu hụt	34
3.3 Sự thay đổi trạng thái cân bằng và kiểm soát giá	35
3.3.3 Can thiệp bằng thuế và trợ cấp	40
4. SỰ CO GIẼN CUNG- CẦU	41
4.1 Sự co giãn của cầu	41
4.2 Sự co giãn của cung theo giá	44
CHƯƠNG 3 LÝ THUYẾT HÀNH VI TIÊU DÙNG	48
1. LÝ THUYẾT VỀ LỢI ÍCH	48
1.1 Một số khái niệm	48
1.2 Quy luật của lợi ích biên giảm dần	49
2. LỰA CHỌN TIÊU DÙNG TỐI ƯU	50
2.1 Sở thích của người tiêu dùng	50
2.2 Sự lựa chọn của người tiêu dùng	51
CHƯƠNG 4 LÝ THUYẾT HÀNH VI CỦA DOANH NGHIỆP	66
1. LÝ THUYẾT VỀ SẢN XUẤT	66
1.1 Hàm sản xuất	66
1.2 Sản xuất trong ngắn hạn	67
1.3 Sản xuất trong dài hạn	68
2. LÝ THUYẾT VỀ CHI PHÍ	69
2.1 Chi phí sản xuất	69
2.2 Chi phí ngắn hạn	70
2.3 Chi phí dài hạn	74
3. LÝ THUYẾT VỀ DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN	75

3.1	Doanh thu	75
3.2	Lợi nhuận.....	75
4.	PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT TỐI ƯU	76
	CHƯƠNG 5 CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG	85
1.	CẠNH TRANH HOÀN HẢO	85
1.1	Khái niệm, đặc điểm của thị trường và doanh nghiệp trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo	85
1.2	Ngưỡng sinh lời- ngưỡng đóng cửa	87
1.3	Đường cung trong ngắn hạn.....	89
1.4	Thặng dư sản xuất	90
1.5	Cân bằng thị trường trong dài hạn.....	91
2.	ĐỘC QUYỀN	91
2.1	Đặc điểm thị trường, lí do tồn tại độc quyền.....	91
2.2	Cân bằng thị trường- tối đa hoá lợi nhuận.....	95
2.3	Chính sách phân biệt giá.....	97
2.4	Chính sách quản lý của chính phủ: Giá tối đa, thuế theo sản lượng, thuế không theo sản lượng.....	98

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: KINH TẾ VI MÔ

Mã môn học: MH14KX6340031

Thời gian thực hiện môn học: 40 giờ (Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 18 giờ; Kiểm tra thường xuyên, định kỳ: 2 giờ; Thi/kiểm tra kết thúc môn học: 1 giờ LT, hình thức: Tự luận).

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT MÔN HỌC:

- Vị trí: Kinh tế học vi mô là một môn khoa học xã hội thuộc khối kiến thức cơ sở của học sinh, sinh viên khối ngành kinh tế. Đây là môn cơ sở bắt buộc được bố trí học sau các môn chung.
- Tính chất: Kinh tế học vi mô là môn học nghiên cứu cách thức ra quyết định của các chủ thể kinh tế cũng như sự tương tác của họ trên các thị trường cụ thể, là cơ sở để học các môn chuyên môn của ngành.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- Kiến thức: Nhận định được các vấn đề kinh tế cơ bản của các chủ thể trong nền kinh tế; cung cầu và sự hình thành giá cả hàng hóa trên thị trường; các yếu tố sản xuất; cạnh tranh và độc quyền.

- Kỹ năng:

+ Phân tích được các vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp;

+ Xác định được cung cầu, giá cả hàng hóa; Chính sách của chính phủ qua giá tối thiểu, giá tối đa nhằm ổn định thị trường.

+ Giải thích được hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp; sinh viên hiểu được phương thức lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng và doanh nghiệp

+ So sánh được thị trường cạnh tranh và độc quyền;

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Chủ động, tích cực trong việc học tập, nghiên cứu môn học; tiếp cận và giải quyết các vấn đề kinh tế hiện đại phù hợp với xu thế phát triển hiện nay.

CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC

MÃ CHƯƠNG: CKT204-01

Giới thiệu:

Các hoạt động kinh tế thường nhằm mục đích tạo ra sản phẩm hay dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu của con người nên chúng đóng một vai trò hết sức quan trọng. Vì vậy, việc hình thành một môn khoa học nghiên cứu hoạt động kinh tế của con người là rất cần thiết. Điều này giải thích lý do ra đời của môn kinh tế học

Mục tiêu:

- Kiến thức: Nhằm giới thiệu cho người học cái nhìn tổng quát về kinh tế học, mà kinh tế vi mô là một phân nhánh quan trọng của nó, thông qua các khái niệm như: sự khan hiếm, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, các mô hình nền kinh tế...
- Kỹ năng: Phân biệt chính xác kinh tế vi mô và vĩ mô, phân loại được các mô hình kinh tế đang tồn tại trên thế giới.
- Thái độ: Nghiêm túc, chủ động, tích cực trong quá trình nghiên cứu, học tập

Nội dung:

1. KINH TẾ HỌC

1.1 Khái niệm

Hoạt động kinh tế là hoạt động thường xuyên của con người. Hoạt động kinh tế bao gồm hoạt động mua bán hàng hóa, hoạt động mua bán tài sản tài chính, hoạt động tín dụng (đi vay, cho vay), v.v. Do các hoạt động kinh tế thường nhằm mục đích tạo ra sản phẩm hay dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu của con người nên chúng đóng một vai trò hết sức quan trọng. Vì vậy, việc hình thành một môn khoa học nghiên cứu hoạt động kinh tế của con người là rất cần thiết. Điều này giải thích lý do ra đời của môn kinh tế học.

Ngày nay, các nhà kinh tế học đưa ra định nghĩa chung về kinh tế học như sau: *Kinh tế học là một môn khoa học nghiên cứu cách thức con người sử dụng nguồn tài nguyên có hạn để thỏa mãn nhu cầu vô hạn của mình.* Định nghĩa nói trên nhấn mạnh hai khía cạnh quan trọng của kinh tế học.

+ Một là, nguồn tài nguyên được dùng để sản xuất ra của cải vật chất thì có giới hạn. Điều này có nghĩa là nguồn tài nguyên không thể đủ để đáp ứng tất

cả các nhu cầu của con người. Sự khan hiếm này giới hạn sự chọn lựa của xã hội và giới hạn cả cơ hội dành cho con người sống trong xã hội. Thí dụ, không một cá nhân nào có thể tiêu dùng nhiều hơn số thu nhập của mình; không một ai có thể có nhiều hơn 24 giờ trong một ngày. Sự chọn lựa của con người thực chất là việc tính toán xem nguồn tài nguyên phải được sử dụng như thế nào.

+ Hai là, mỗi quan tâm về việc nguồn tài nguyên được phân phối như thế nào. Bằng cách xem xét các hoạt động của người tiêu dùng, nhà sản xuất, nhà cung ứng, chính phủ, v.v., các nhà kinh tế học cố gắng tìm hiểu xem nguồn tài nguyên được phân bổ như thế nào.

Phân biệt giữa thực chứng và chuẩn tắc:

Kinh tế học thực chứng: mô tả sự kiện, các hoàn cảnh và các mối quan hệ trong nền kinh tế một cách khách quan hoặc một cách khoa học, về các hiện tượng như:

- Tỷ lệ thất nghiệp là bao nhiêu?.
- Mức thất nghiệp cao hơn sẽ ảnh hưởng tới lạm phát như thế nào?

Mục tiêu của nền kinh tế học thực chứng là giải thích xã hội quyết định như thế nào về tiêu thụ, sản xuất và trao đổi hàng hoá. Việc khảo sát như vậy nhằm hai mục đích:

- Để biết nguyên nhân vì sao nền kinh tế hoạt động như nó đang hoạt động.
- Để có cơ sở cho việc dự đoán nền kinh tế sẽ phản ứng như thế nào với những thay đổi của hoàn cảnh.

Kinh tế học chuẩn tắc: Đưa ra các chỉ dẫn hoặc các khuyến nghị dựa trên những đánh giá theo tiêu chuẩn của cá nhân.

Kinh tế học chuẩn tắc liên quan đến đạo lý và đáng giá về giá trị thực như:

- Lạm phát cao đến mức nào thì có thể chấp nhận được.
- Có nên dùng thuế để lấy của người nghèo giúp người giàu không?

....

Đó là những vấn đề có liên quan đến những ý kiến chủ quan.

Xét theo khía cạnh khoa học thì kinh tế học hoàn toàn là thực chứng. Vì nó trả lời những câu hỏi “Thực tế như thế nào”. Còn những vấn đề chuẩn tắc

trong xã hội thường đặt ra câu hỏi “Phải làm gì?” cũng đòi hỏi sự phân tích kinh tế.

Với mục tiêu xã hội đã định trước, các nhà kinh tế có thể sử dụng kiến thức để phân tích vấn đề và khuyến nghị cách thức cần phải làm để đạt mục tiêu đó.

Các nhà kinh tế có thể bất hoà với nhau trên các vấn đề chính sách, bởi vì họ theo đuổi các mục tiêu khác nhau. Ngay ở đây thì chú trọng đến cân bằng xã hội, ngay ở đây lại quan tâm đến tự do kinh doanh nhiều hơn ... Tuy nhiên, sự bất đồng giữa các nhà kinh tế thường là về ý nghĩa hơn là về mục tiêu, về việc phải làm thế nào hơn là phải làm cái gì?

1.2 Phân biệt kinh tế vi mô và vĩ mô

Kinh tế học vĩ mô: nghiên cứu nền kinh tế quốc dân và kinh tế toàn cầu, xem xét hướng phát triển và phân tích biến động một cách tổng thể, toàn diện về cấu trúc của nền kinh tế và mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của nền kinh tế. Mục tiêu phân tích của kinh tế học vĩ mô nhằm giải thích giá cả bình quân, tổng việc làm, tổng thu nhập, tổng sản lượng sản xuất. Kinh tế học vĩ mô còn nghiên cứu các tác động của chính phủ như thuế, chi tiêu, thâm hụt ngân sách lên tổng việc làm và thu nhập. Chẳng hạn, kinh tế học vĩ mô nghiên cứu chi phí cuộc sống bình quân của dân cư, tổng giá trị sản xuất, chi tiêu ngân sách của một quốc gia.

Kinh tế học vi mô:

Kinh tế học vi mô nghiên cứu hoạt động của các đơn vị kinh tế riêng lẻ, chẳng hạn hoạt động sản của một doanh nghiệp hay hoạt động tiêu dùng của một cá nhân. Thí dụ, một công ty cần tuyển bao nhiêu công nhân, sản xuất ra cái gì, và bán sản phẩm với giá bao nhiêu, v.v. thuộc phạm vi nghiên cứu của kinh tế vi mô. Nói cách khác, kinh tế vi mô là ngành kinh tế học nghiên cứu cách thức sử dụng nguồn tài nguyên ở phạm vi cá nhân ngay ở tiêu dùng, từng xí nghiệp, từng công ty, v.v.

1.3 a vấn đề kinh tế cơ bản

Thị trường là nơi gặp nhau của cả người bán và người mua các hàng hoá dịch vụ, người bán và người mua gặp nhau trực tiếp. Trong những trường hợp khác như thị trường chứng khoán, mua bán có thể tiến hành thông qua điện thoại và thường sử dụng điều khiển từ xa.

Cơ chế thị trường là các quyết định về giá cả và phân phối hàng hoá được thực hiện tại thị trường. Thị trường là sự biểu diễn thu gọn của quá trình mà thông qua đó người mua và người bán một thứ hàng hoá tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá.

Giá hàng và giá các nguồn lực lao động, máy móc và đất đai được điều chỉnh để đảm bảo sao cho các nguồn lực khan hiếm được sử dụng để sản xuất ra các hàng hoá và dịch vụ phù hợp với nhu cầu xã hội.

Trong hệ thống thị trường, cái gì cũng có giá, mỗi loại hàng mỗi loại dịch vụ đều có giá. Ngay cả nhân lực khác nhau cũng có giá (cụ thể là bậc lương). Nếu một thứ hàng nào mà người ta mua nhiều thì sẽ có nhiều đơn đặt hàng mới vì có nhiều khách hàng muốn mua, người bán sẽ tăng giá để phân phối một lượng cung hạn chế. Mặt khác, một mặt hàng nào đó được bán ra với khối lượng nhiều hơn số lượng yêu cầu của người mua, lúc đó người bán muốn giải quyết hết lượng sản phẩm của mình nên hạ giá, và ngay tại thời điểm hạ giá đó người ta sẽ mua nhiều hơn và người sản xuất không sản xuất ra nữa. Như vậy một sự cân bằng giữa người mua và người bán được khôi phục.

Ngày nay thị trường bao hàm thị trường hàng tiêu dùng, thị trường các yếu tố sản xuất và thị trường chứng khoán. Khi gộp tất cả các thị trường khác nhau lại chúng ta có một hệ thống thực nghiệm lớn – đó là một hệ thống tạo ra sự cân đối giữa giá cả và sản xuất. Bằng cách cân đối người bán và người mua trong mỗi thị trường này, nền kinh tế sẽ đồng thời giải quyết ba vấn đề: Sản xuất hàng hoá gì? Sản xuất hàng hoá như thế nào? Hàng sản xuất ra cho ai?

Do nguồn tài nguyên có hạn và nhu cầu của con người là vô hạn nên nguồn tài nguyên - những yếu tố được dùng để tạo ra hàng hóa và dịch vụ - được xem là khan hiếm. Do sự khan hiếm của nguồn tài nguyên nên kinh tế học phải giải quyết ba vấn đề chính của xã hội là:

(1) Sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ gì và sản xuất bao nhiêu? Sự khan hiếm của nguồn tài nguyên buộc con người phải chọn ra từ vô số hàng hóa, dịch vụ những hàng hóa, dịch vụ có lợi nhất cho mình để sản xuất trong một khoảng thời gian nhất định nào đó. Chúng ta nên sản xuất vũ khí phục vụ quốc phòng hay sản xuất lượng thực phục vụ nhu cầu hàng ngày của người dân? Chúng ta nên xây dựng nhiều cơ sở y tế để chăm sóc sức khỏe nhân dân hay nên xây dựng thêm nhà ở? Đây là những câu hỏi mà ta thường xuyên gặp phải. Ngoài ra, một câu hỏi khác nữa được đặt ra là chúng ta nên sản xuất bao nhiêu? Nếu chúng ta

sản xuất thêm một loại hàng hóa này, nghĩa là chúng ta phải giảm đi hàng hóa khác. Vì thế, trên nguyên tắc số lượng các loại hàng hóa được sản xuất ra trong một nền kinh tế nào đó phải phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng.

(2) Sản xuất như thế nào? Vấn đề này liên quan đến việc xác định những nguồn lực nào được sử dụng và phương pháp để sản xuất ra những sản phẩm và dịch vụ. Có rất nhiều cách thức sản xuất khác nhau. Thí dụ, để tạo ra một bể bơi ta có thể dùng một máy ủi trong vòng một ngày hay 30 người công nhân với dụng cụ thô sơ trong vòng một tuần. Việc thu hoạch trong nông nghiệp có thể được thực hiện bằng tay hay bằng máy tùy theo sự lựa chọn của người nông dân. Áo quần có thể được may tại nhà hay cũng có thể được may ở các nhà máy với dây chuyền công nghiệp. Lựa chọn cách thức sản xuất từng loại sản phẩm một cách hiệu quả nhất cũng là câu hỏi đặt ra cho các quốc gia trên thế giới. Trong nền kinh tế thị trường, các nhà sản xuất vì mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận sẽ phải tìm kiếm các nguồn lực có chi phí thấp nhất có thể (giảm định với số lượng và chất lượng sản phẩm không thay đổi). Các phương pháp và kỹ thuật sản xuất mới chỉ có thể được chấp nhận khi chúng làm giảm chi phí sản xuất. Trong khi đó, các nhà cung cấp nguồn lực sản xuất sẽ cung cấp nguồn lực đem lại cho họ các giá trị cao nhất

(3) Sản xuất cho ai hay phân phối như thế nào? Ngay cả khi ta có thể sản xuất cái mà người tiêu dùng cần nhất, ta cũng phải tính toán đến việc phân phối cho ai vì việc phân phối có liên quan hết sức mật thiết đến thu nhập, sở thích, v.v. Trong hầu hết các nền kinh tế, vấn đề phân phối cũng hết sức phức tạp. Một câu hỏi tổng quát là liệu chúng ta có nên phân phối hàng hóa nhiều cho người giàu hơn cho người nghèo hay ngược lại?

2. CÁC MÔ HÌNH KINH TẾ

Dựa vào cách thức giải quyết ba vấn đề cơ bản nói trên của kinh tế học, các quốc gia trên thế giới đang áp dụng ba mô hình kinh tế chủ yếu, đó là mô hình kinh tế thị trường tự do, mô hình kinh tế mệnh lệnh (hay kế hoạch hóa tập trung), và mô hình kinh tế hỗn hợp.

2.1 Mô hình kinh tế tập trung

Kinh tế kế hoạch hóa tập trung là nền kinh tế mà trong đó chính phủ đưa ra mọi quyết định về sản xuất và phân phối. Cơ quan kế hoạch của chính phủ quyết định sẽ sản xuất ra cái gì, sản xuất như thế nào, và phân phối cho ai. Sau đó, các hướng dẫn cụ thể sẽ được phổ biến tới các hộ gia đình và các doanh nghiệp. Thí

dự, ở Liên Xô cũ, cơ quan kế hoạch nhà nước hoạch định kế hoạch cho tất cả các vấn đề kinh tế của đất nước

2.2 Mô hình kinh tế thị trường

Kinh tế thị trường là nền kinh tế mà trong đó các quyết định của các cá nhân về tiêu dùng các mặt hàng nào, các quyết định của các doanh nghiệp về sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và các quyết định của người công nhân về việc làm cho ai đều được thực hiện dưới sự tác động của giá cả thị trường. Thị trường mà nhà nước không can thiệp vào gọi là thị trường tự do hoàn toàn.

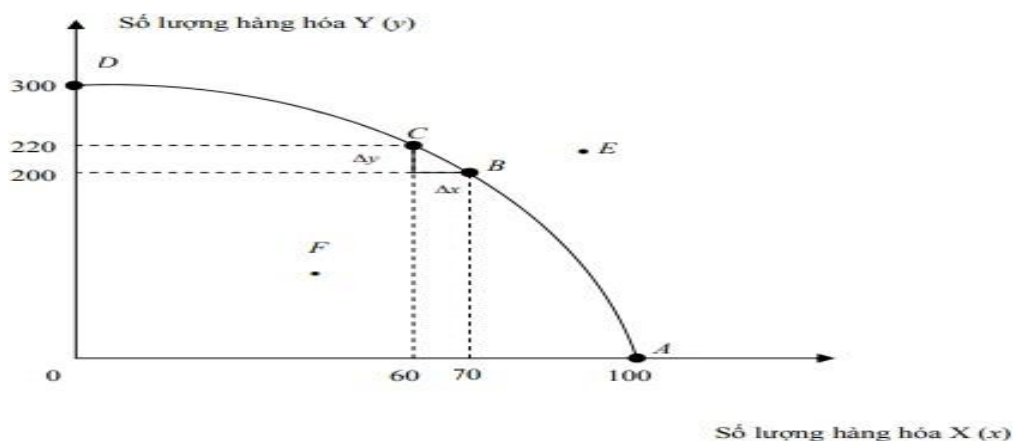
2.3 Mô hình kinh tế hỗn hợp

Kinh tế hỗn hợp là nền kinh tế mà trong đó chính phủ vận hành nền kinh tế theo tín hiệu thị trường. Trong nền kinh tế hỗn hợp, chính phủ có thể hạn chế được những khiếm khuyết cũng như phát huy những ưu điểm của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung và nền kinh tế thị trường. Do những tính ưu việt đó mà hầu hết các quốc gia trên thế giới đều áp dụng mô hình kinh tế hỗn hợp. Tùy theo mức độ chính phủ can thiệp vào nền kinh tế mà một nền kinh tế có thể lệch về hướng thị trường hay kế hoạch tập trung.

3. ĐÒNG GIỚI HẠN HẢ NĂNG SẢN XUẤT

Đòong giới hạn khả năng sản xuất: Một trong những công cụ kinh tế đơn giản nhất có thể minh họa rõ ràng tính khan hiếm nguồn lực và sự lựa chọn kinh tế là đòong giới hạn khả năng sản xuất.

Đòong giới hạn khả năng sản xuất của một nền kinh tế là đòong mô tả các tổ hợp sản lượng hàng hóa tối đa mà nó có thể sản xuất ra được khi sử dụng toàn bộ các nguồn lực sẵn có. Để đơn giản hóa, chúng ta hãy ỏong ỏong nền kinh tế chỉ sản xuất hai loại hàng hóa X và Y. Hai ngành sản xuất này sử dụng toàn bộ các yếu tố sản xuất sẵn có (bao gồm cả một trình độ công nghệ nhất định) của nền kinh tế. Nếu các yếu tố sản xuất được tập trung toàn bộ ở ngành X, nền kinh tế sẽ sản xuất ra được 100 đơn vị hàng hóa X mà không sản xuất được một đơn vị hàng hóa Y nào.



Hình 1.1: Đường giới hạn khả năng sản xuất

Nếu các yếu tố sản xuất được tập trung hết ở ngành Y, giả sử 300 hàng hóa Y sẽ được tạo ra không một đơn vị hàng hóa X nào được sản xuất (điểm D trên hình 1.1). Ở những phương án trung gian hơn, nếu nguồn lực được phân bổ cho cả hai ngành, nền kinh tế có thể sản xuất ra 70 đơn vị hàng hóa X và 200 đơn vị hàng hóa Y (điểm B), hoặc 60 đơn vị hàng hóa X và 220 đơn vị hàng hóa Y (điểm C)... Những điểm A, B, C, D (và những điểm khác, không thể hiện) là những điểm khác nhau của đường giới hạn khả năng sản xuất. Mỗi điểm đều cho chúng ta biết mức sản lượng tối đa của một loại hàng hóa mà nền kinh tế có thể sản xuất ra được trong điều kiện nó đã sản xuất ra một sản lượng nhất định hàng hóa kia. Ví dụ, nếu nền kinh tế sản xuất ra 70 đơn vị hàng hóa X, trong điều kiện nguồn lực sẵn có, nó chỉ có thể sản xuất tối đa 200 đơn vị hàng hóa Y. Nếu muốn sản xuất nhiều Y hơn (chẳng hạn, 220 đơn vị hàng hóa Y), nó phải sản xuất ít hàng hóa X đi (chỉ sản xuất 60 đơn vị hàng hóa X).

Nền kinh tế không thể sản xuất ra được một tổ hợp hàng hóa nào đó biểu thị bằng một điểm nằm bên ngoài đường giới hạn khả năng sản xuất (chẳng hạn điểm E). Điểm E nằm ngoài năng lực sản xuất của nền kinh tế ở thời điểm mà chúng ta đang xem xét, do đó nó được gọi là điểm không khả thi. Nền kinh tế chỉ có thể sản xuất ở những điểm nằm trên hoặc nằm trong đường giới hạn khả năng sản xuất (được gọi là những điểm khả thi). Những điểm nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất (các điểm A, B, C, D) được coi là các điểm hiệu quả. Chúng biểu thị các mức sản lượng tối đa mà nền kinh tế tạo ra được từ các nguồn lực khan hiếm hiện có. Tại những điểm này, người ta không thể tăng sản lượng của một loại hàng hóa nếu không cắt giảm sản lượng hàng hóa còn lại. Sở

đã như vậy vì ở đây toàn bộ các nguồn lực khan hiếm đều đã được sử dụng, do đó, không có sự lãng phí. Trái lại, một điểm nằm trong đường giới hạn khả năng sản xuất, như điểm F trên hình 1.1 chẳng hạn, lại biểu thị một trạng thái không hiệu quả của nền kinh tế. Đó có thể là do nền kinh tế đang trong thời kỳ suy thoái, lao động cũng như các nguồn lực của nó không được sử dụng đầy đủ, sản lượng các hàng hóa mà nó tạo ra thấp hơn so với năng lực sản xuất hiện có. Tại trạng thái không hiệu quả, (ví dụ, điểm F), xét về khả năng, người ta có thể tận dụng các nguồn lực hiện có để tăng sản lượng một loại hàng hóa mà không buộc phải cắt giảm sản lượng hàng hóa còn lại cũng như có thể đồng thời tăng sản lượng của cả hai loại hàng hóa.

Giới hạn khả năng sản xuất của xã hội bị quy định bởi tính khan hiếm của các nguồn lực. Trong trường hợp này, xã hội phải đối mặt với sự đánh đổi và lựa chọn. Khi đã đạt đến trạng thái hiệu quả như các điểm nằm trên đường giới hạn khả năng sản xuất chỉ ra, nếu muốn có nhiều hàng hóa X hơn, người ta buộc phải chấp nhận sẽ có ít hàng hóa Y hơn và ngược lại. Cái giá mà ta phải trả để có thể được sử dụng nhiều hàng hóa X hơn chính là phải hy sinh một số lượng hàng hóa Y nhất định. Trong các trường hợp này, sự lựa chọn mà chúng ta thực hiện luôn luôn bao hàm một sự đánh đổi: để được thêm cái này, người ta buộc phải từ bỏ hay hy sinh một cái gì khác. Sự đánh đổi như thế là bản chất của các quyết định kinh tế. Rốt cuộc, điểm nào trên đường giới hạn khả năng sản xuất được xã hội lựa chọn? Điều này còn tùy thuộc vào sở thích của xã hội và trong các nền kinh tế hiện đại, sự lựa chọn này được thực hiện thông qua hoạt động của hệ thống thị trường.

CÂU HỎI CHƯƠNG 1

1. Những nhận định nào dưới đây thuộc phạm vi nghiên cứu của kinh tế học vi mô và những nhận định nào thuộc phạm vi nghiên cứu của kinh tế học vĩ mô?

- a. Đánh thuế cao vào mặt hàng rượu bia sẽ hạn chế số lượng bia được sản xuất.
- b. Thất nghiệp trong lực lượng lao động đã tăng nhanh vào thập niên 2000.
- c. Thu nhập của người tiêu dùng tăng sẽ làm cho người tiêu dùng chi tiêu nhiều hơn.
- d. Người công nhân nhận được lương cao hơn sẽ mua nhiều hàng xa xỉ hơn.
- e. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế năm nay cao hơn năm qua.
- f. Các doanh nghiệp sẽ đầu tư vào những ngành có tỷ suất lợi nhuận cao.

2. Bạn có giải quyết ba vấn đề cơ bản của kinh tế trong cuộc sống hàng ngày không? Cho ví dụ minh họa.

3. Những nhận định sau đây mang tính thực chứng hay chuẩn tắc?

- a. Giá dầu lửa những năm 2000 đã tăng gấp đôi so với những năm 90.
- b. Những người có thu nhập cao hơn sẽ được phân phối nhiều hàng hoá hơn.
- c. Vào đầu những năm 90, tỷ lệ thất nghiệp ở nước ta tăng đột biến.
- d. Hút thuốc không có ích đối với xã hội và không nên khuyến khích.
- e. Chính phủ cần áp dụng những chính sách kinh tế để giảm tình trạng thất nghiệp.
- f. Để cải thiện mức sống của người nghèo, chính phủ cần tăng trợ cấp đối với họ.

4. Những nhận định nào dưới đây không đúng đối với nền kinh tế kế hoạch tập trung?

- a. Các doanh nghiệp tự do lựa chọn thuê mướn nhân công.
- b. Chính phủ kiểm soát phân phối thu nhập.

c. Chính phủ quyết định cái gì nên sản xuất.

d. Giá cả hàng hoá do cung - cầu trên thị trường quyết định.

6. Tại sao đời sống giới hạn khả năng sản xuất có thể minh họa cho sự khan hiếm tài nguyên?

7. Kinh tế học đề cập đến ba vấn đề cơ bản của xã hội: sản xuất ra cái gì, như thế nào và cho ai. Những sự kiện sau đây liên quan đến vấn đề nào trong ba vấn đề trên?

a. Các nhà khai khoáng mới phát hiện ra mỏ dầu có trữ lượng lớn.

b. Chính phủ điều chỉnh thuế thu nhập sao cho người nghèo được phân phối nhiều hơn từ người giàu.

c. Chính phủ cho phép tự nhiên hóa một số ngành chủ yếu.

d. Phát minh ra máy vi tính

CHƯƠNG 2 CUNG, CẦU VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

CHƯƠNG: CKT204-02

Giới thiệu:

Chương này nghiên cứu việc tác động của cung - cầu cơ chế hình thành giá cả, các chính sách can thiệp vào thị trường của chính phủ

Mục tiêu:

- Kiến thức: Hiểu được khái niệm cung cầu, các nhân tố ảnh hưởng đến cung cầu, cơ chế hình thành giá cả, các chính sách can thiệp vào thị trường của chính phủ
- Kỹ năng: Thực hiện được các bài tập tình huống và tính toán, áp dụng cân bằng cung cầu; Xác định ảnh hưởng của các yếu tố đến cung cầu, cơ chế cung cầu.
- Thái độ: Tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu

Nội dung:

1. CẦU

1.1 Khái niệm

Cầu về một loại hàng hoá biểu thị những khối lượng hàng hoá mà người tiêu dùng mong muốn và sẵn sàng mua tương ứng với các mức giá xác định. (Kinh tế vi mô- Đại học Kinh tế TP HCM)

Trong định nghĩa này, có mấy điểm cần lưu ý:

Thứ nhất, nói đến cầu về một loại hàng hoá cụ thể, trước hết ta quan tâm đến khối lượng hàng hoá mà người tiêu dùng muốn mua và có khả năng mua trong giới hạn một khoảng thời gian nào đó. Khối lượng này lại tùy thuộc vào từng mức giá của hàng hoá ở thời điểm mà người tiêu dùng ra quyết định. Khi giá hàng hoá thay đổi, lượng hàng mà người tiêu dùng muốn mua cũng sẽ thay đổi. Vì thế, cầu về một loại hàng hoá, thực chất, biểu thị mối quan hệ giữa hai biến số: một bên là lượng hàng hoá mà người tiêu dùng muốn và có khả năng mua, một bên là các mức giá tương ứng. Lượng hàng hoá mà người tiêu dùng sẵn lòng mua được gọi là lượng cầu hay mức cầu về hàng hoá. Lượng cầu luôn gắn với một mức giá cụ thể.

Thứ hai, khi thể hiện quan hệ giữa lượng cầu và giá cả hàng hoá, chúng ta giả định rằng các yếu tố khác có liên quan đến nhu cầu của người tiêu dùng như thu nhập, sở thích v.v... là á định. Nói cách khác, một quan hệ cầu cụ thể về một loại hàng hoá được em ét trong điều kiện các yếu tố khác được coi là đã biết và được giữ nguyên, không thay đổi. Ở đ y, điều người ta quan tâm là lượng cầu thay đổi như thế nào khi các mức giá của hàng hoá thay đổi.

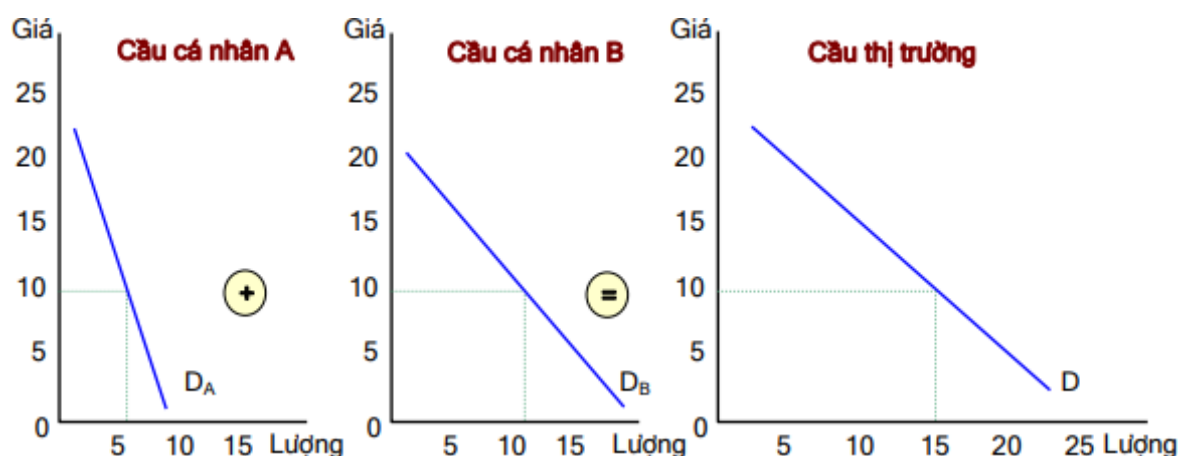
Thứ ba, khái niệm mức giá được đề cập ở đ y là mức giá hiện hành của chính hàng hoá mà chúng ta đang em ét. Mức giá của chính hàng hoá này nhưng được hình thành ở thời điểm khác (chẳng hạn mức giá dự kiến trong tương lai) hay mức giá của các hàng hoá khác được coi là các yếu tố khác.

Thứ tợ, ta có thể đề cập tới cầu cá nhân của một người tiêu dùng, song cũng có thể nói đến cầu của cả thị trường như là cầu tổng hợp của các cá nhân.

Cách biểu thị cầu: Có thể biểu thị cầu về một loại hàng hoá theo nhiều cách khác nhau: thông qua một biểu cầu, một phương trình đại số hay một đồ thị.

1.2 Cầu cá nhân và cầu thị trường

Cầu thị trường bao gồm tổng cầu cá nhân trên thị trường. Về mặt khái niệm, đường cầu thị trường được xác lập bằng cách cộng tổng lượng cầu của tất cả cá nhân tiêu dùng hàng hóa tương ứng với từng mức giá. Biểu đồ dưới đ y minh họa cho quá trình này, một thị trường đơn giản chỉ gồm có 2 cá nhân tiêu dùng gồm: cá nhân A và cá nhân B.



Hình 2.1 Sự hình thành cầu và thị trường

Lưu ý rằng tổng lượng cầu trên thị trường là bằng tổng lượng cầu của các cá nhân tại mỗi mức giá. Trong biểu đồ này, tại mức giá 10, cá nhân A mong muốn mua 5 đơn vị hàng hóa và cá nhân B mong muốn mua 10 đơn vị hàng hóa. Vì vậy, tại mức giá bằng 10, tổng lượng cầu thị trường là 15 ($=5+10$) đơn vị hàng hóa. Một cách tương tự, lượng cầu thị trường có thể xác định tại mỗi mức giá khác nhau và từ đó xác định cầu thị trường của hàng hóa.

Dĩ nhiên, đây là ví dụ khá đơn giản vì trong thị trường thực tế sẽ có rất nhiều người mua đối với một hàng hóa cụ thể. Một nguyên lý tương tự phải nắm, đó là: đường cầu thị trường được xác định bằng cách cộng tổng lượng cầu của các cá nhân tiêu dùng tại mỗi mức giá.

1.3 Luật cầu

Mức giá (nghìn đồng/bộ)	Lượng cầu (1000 bộ/tuần)
40	160
80	120
120	80
160	40
200	0

Bảng 2.1 Cầu về quần áo

Cầu đối với áo quần được trình bày trong bảng 2.1 Chúng ta nhận thấy một đặc điểm của hành vi của người tiêu dùng là: khi giá càng cao, lượng cầu của người tiêu dùng giảm đi. Chẳng hạn, ở mức giá là 40.000 đồng/bộ, lượng cầu là 160.000 bộ/tuần. Tương tự, khi giá tăng lên 80.000đ/bộ, một số người tiêu dùng không có khả năng chi trả nên lượng cầu giảm xuống là 120.000 bộ/tuần. Khi giá càng cao, số lượng hàng hóa mà người mua muốn mua tiếp tục giảm. Nếu giá là 200.000 đồng/bộ, người mua có lẽ không chấp nhận mức giá này nên không mua một hàng hóa nào hay lượng cầu lúc này bằng không.